

Số: /KH-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN);

Căn cứ Văn bản số 8143/UBND-KGVX ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương nhiệm vụ chi thường xuyên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026;

Căn cứ Quyết định 329/QĐ-SKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 ;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh;

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; trong đó tập trung thực hiện nội dung khảo sát, đánh giá hiện trạng trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, làm cơ sở hình thành dữ liệu đầu vào cho việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

- Thực hiện Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; Chế biến thực phẩm; Điện – điện tử; Nhựa, cao su; Hóa chất; Dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời làm căn cứ nhận diện nhu cầu đổi mới công nghệ, khả năng tiếp cận, hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ thí điểm cho một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Yêu cầu

- Nội dung đánh giá phải thực hiện theo phương pháp, tiêu chí quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; bảo đảm khách quan, khoa học, thống nhất.

- Quá trình điều tra, khảo sát phải bảo đảm đúng đối tượng, thông tin thu thập đầy đủ, chính xác, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ với các sở, ngành, địa phương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế, các hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp được lựa chọn khảo sát trong quá trình triển khai thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Xác định phạm vi, đối tượng và ngành, lĩnh vực khảo sát

- Căn cứ nhiệm vụ tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, việc khảo sát, đánh giá tập trung vào các doanh nghiệp sản xuất thuộc các ngành, lĩnh vực có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đối tượng khảo sát gồm các doanh nghiệp thuộc 06 ngành/lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực: Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày.

- Số lượng doanh nghiệp khảo sát dự kiến khoảng 250 doanh nghiệp, bảo đảm tính đại diện theo ngành, lĩnh vực, quy mô, địa bàn và loại hình doanh nghiệp.

2. Xây tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn phương pháp đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN, đồng thời bổ sung các thông tin cần thiết để phục vụ yêu cầu xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ theo Kế hoạch số 06/KH-UBND.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ, điều tra viên và các đơn vị phối hợp thực hiện khảo sát, bảo đảm thống nhất phương pháp thu thập, xử lý và đánh giá dữ liệu.

3. Tổ chức khảo sát, điều tra và thu thập thông tin tại doanh nghiệp

- Tổ chức khảo sát, điều tra, thu thập thông tin tại các doanh nghiệp được lựa chọn thông qua hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức.

- Nội dung khảo sát thực hiện theo 5 nhóm yếu tố đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, gồm:

+ Nhóm hiện trạng thiết bị, công nghệ T (gồm 7 tiêu chí) với số điểm tối đa là 30 điểm;

+ Nhóm hiệu quả khai thác công nghệ E (gồm 5 tiêu chí) với số điểm tối đa là 20 điểm;

+ Nhóm năng lực tổ chức - quản lý O (gồm 5 tiêu chí) với số điểm tối đa là 19 điểm;

+ Nhóm năng lực nghiên cứu phát triển R (gồm 5 tiêu chí) với số điểm tối đa là 17 điểm;

+ Nhóm năng lực đổi mới sáng tạo I (gồm 4 tiêu chí) với số điểm tối đa là 14 điểm.

4. Xử lý, phân tích và đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất

- Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa phiếu điều tra; đối chiếu, bổ sung thông tin còn thiếu hoặc chưa rõ với doanh nghiệp và các đơn vị liên quan.

- Lập bảng dữ liệu tổng hợp; nhập liệu và xử lý dữ liệu theo từng doanh nghiệp, nhóm ngành/ lĩnh vực và quy mô doanh nghiệp.

- Đánh giá điểm số trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN.

5. Xây dựng các báo cáo đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất trên địa bàn tỉnh đến năm 2035

- Phân tích đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh; phân tích đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; phân tích đánh giá khả năng ứng dụng và đổi mới công nghệ; phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ; phân tích đánh giá hoạt động nghiên cứu phát triển; phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao của các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức Hội thảo đánh giá hiện trạng trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp tỉnh trong năm điều tra và dự kiến kế hoạch giai đoạn tiếp theo; tham vấn ý kiến chuyên gia và các cơ quan, đơn vị liên quan về các báo cáo trước khi tổ chức công bố về kết quả điều tra khảo sát.

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Quý II – Quý III năm 2026

- Rà soát căn cứ pháp lý, xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai.

- Phối hợp các sở, ngành, địa phương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế và Thống kê tỉnh lựa chọn danh sách doanh nghiệp khảo sát.
- Tổ chức tập huấn cho cán bộ, điều tra viên và các đơn vị tham gia khảo sát.

2. Quý III – Quý IV năm 2026

- Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin tại doanh nghiệp.
- Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa và hoàn thiện phiếu điều tra.
- Nhập liệu, xử lý sơ bộ và tổng hợp dữ liệu
- Phân tích, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo 5 nhóm yếu tố T, E, O, R, I.
- Xây dựng các báo cáo khoa học chuyên đề bao gồm các đánh giá, nhận xét về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; đề xuất các giải pháp phù hợp để các cơ quan quản lý nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý công nghệ và hoạt động đổi mới công nghệ; đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất.
- Tổ chức hội thảo tham vấn kết quả khảo sát, đánh giá.
- Hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn tiếp theo và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
- Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bao gồm:

- Xây dựng đề cương và dự toán chi tiết kèm theo trình Lãnh đạo Sở phê duyệt;
- Tham mưu tổ chức thuê tư vấn thực hiện khảo sát, đánh giá (nếu có);
- Phối hợp xây dựng hướng dẫn phương pháp điều tra cho các tổ chức, cá nhân liên quan; tổ chức thực hiện điều tra theo kế hoạch và tổng hợp số liệu, kết quả điều tra; Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính

Thẩm định dự toán và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Các phòng, đơn vị

Các phòng, đơn vị thuộc Sở phối hợp Phòng Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, yêu cầu các phòng, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các nội dung theo kế hoạch./.

Đính kèm: Đề cương và dự toán chi tiết Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;-
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, KHCCN(Nam).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Phong

ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT
Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp
sản xuất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026
(kèm theo Kế hoạch số/KH-SKHCN ngày/...../2026 của Sở KH&CN)

I. Thông tin khái quát về nhiệm vụ

1. Tên nhiệm vụ: Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026
2. Đơn vị chủ trì nhiệm vụ: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đồng Nai
3. Thời gian thực hiện: Năm 2026
4. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 1.220.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng*).
5. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước (Chi hoạt động thường xuyên KH, CN, ĐMST & CDS).

II. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết thực hiện nhiệm vụ

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BKHHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (Thông tư số 17/2019/TT-BKHHCN);

Căn cứ Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ của tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Kế hoạch số/KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

2. Sự cần thiết thực hiện nhiệm vụ

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đối với thành phố Đồng Nai, một địa phương có quy mô công nghiệp lớn, tập trung nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế và doanh nghiệp sản xuất, việc nắm bắt đầy đủ, khách quan thực trạng trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026” là cần thiết nhằm cụ thể hóa Kế hoạch của Sở Khoa học và Công nghệ về đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố; đồng thời triển khai nội dung tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035.

Nhiệm vụ tập trung khảo sát, thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu về trình độ, năng lực công nghệ sản xuất của khoảng 250 doanh nghiệp thuộc 06 ngành/lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực của tỉnh, gồm: cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày. Đây là các nhóm ngành có vai trò quan trọng trong cơ cấu sản xuất công nghiệp của Đồng Nai, có nhu cầu lớn về đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng tham gia chuỗi cung ứng.

Việc đánh giá được thực hiện theo phương pháp quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BKHHCN, tập trung vào các nhóm yếu tố: hiện trạng thiết bị, công nghệ; hiệu quả khai thác công nghệ; năng lực tổ chức - quản lý; năng lực nghiên cứu phát triển và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, nhiệm vụ sẽ làm rõ mức độ hiện đại của thiết bị, dây chuyền công nghệ, hiệu quả khai thác công nghệ, năng lực quản trị, năng lực nghiên cứu phát triển, năng lực đổi mới sáng tạo; đồng thời nhận diện điểm mạnh, hạn chế, khoảng cách công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ và khả năng tiếp cận, hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sẽ hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đây là căn cứ thực tiễn quan trọng để đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ thí điểm cho một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Vì vậy, việc triển khai nhiệm vụ là cần thiết, phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời góp phần cung cấp dữ liệu đầu vào phục vụ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 của thành phố Đồng Nai.

III. Nội dung nhiệm vụ đề xuất, mục tiêu, kết quả, sản phẩm

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu chung

Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; làm căn cứ nhận diện nhu cầu đổi mới công nghệ, khả năng tiếp cận, hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ thí điểm cho một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Khảo sát, thu thập thông tin của khoảng 250 doanh nghiệp thuộc 06 ngành/lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực của tỉnh Đồng Nai, gồm: Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày.

- Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp được khảo sát theo 05 nhóm yếu tố quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN, gồm: hiện trạng thiết bị, công nghệ; hiệu quả khai thác công nghệ; năng lực tổ chức - quản lý; năng lực nghiên cứu phát triển; năng lực đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng các báo cáo đánh giá đối với doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn thành phố Đồng Nai, trong đó tập trung phân tích đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh; phân tích đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; phân tích đánh giá khả năng ứng dụng và đổi mới công nghệ; phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ; phân tích đánh giá hoạt động nghiên cứu phát triển; phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao.

- Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Nội dung 1: Tổ chức tập huấn hướng dẫn thu thập thông tin phục vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất

a) Nội dung công việc

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ, điều tra viên và các đơn vị phối hợp thực hiện khảo sát.

b) Kết quả dự kiến/ Sản phẩm

01 Báo cáo kết quả tập huấn, hướng dẫn cán bộ, điều tra viên và các đơn vị phối hợp thực hiện khảo sát.

2.2. Nội dung 2: Điều tra, khảo sát thu thập thông tin, số liệu phiếu điều tra theo thông tư 17/2019/TT-BKH-CN tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai

a) Nội dung công việc

Điều tra, khảo sát thu thập thông tin, số liệu phiếu điều tra của 250 doanh nghiệp thuộc 06 ngành/lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực: Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày.

b) Kết quả dự kiến/ Sản phẩm

- 250 phiếu điều tra của 250 doanh nghiệp thuộc 06 ngành/lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực: Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày.

2.3. Nội dung 3: Phân tích đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh; phân tích đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; phân tích đánh giá khả năng ứng dụng và đổi mới công nghệ; phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ; phân tích đánh giá hoạt động nghiên cứu phát triển; phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao của các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

a) Nội dung công việc

- Phân tích, đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- Phân tích, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- Phân tích đánh giá hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- Phân tích đánh giá khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- Phân tích, đánh giá hoạt động đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- Phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- Phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao.

b) Kết quả dự kiến/ Sản phẩm

- 01 Báo cáo phân tích, đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- 01 Báo cáo phân tích, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- 01 Báo cáo phân tích đánh giá hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- 01 Báo cáo phân tích đánh giá khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- 01 Báo cáo phân tích, đánh giá hoạt động đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- 01 Báo cáo phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày);

- 01 Báo cáo phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao.

2.4. Nội dung 4: Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực

a) Nội dung công việc

- Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực;

- Tổ chức đoàn khảo sát chuyên sâu tại doanh nghiệp nhằm xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 doanh nghiệp mẫu;
- Thí điểm xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 doanh nghiệp mẫu trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực.

b) Kết quả dự kiến/ Sản phẩm

- 01 báo cáo đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực;
- 01 báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 doanh nghiệp mẫu trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực.

2.5. Nội dung 5: Tổ chức Hội thảo khoa học tại Đồng Nai

a) Nội dung công việc

- Tổ chức 02 hội thảo: 01 Hội thảo khoa học lấy ý kiến cơ quan quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp về kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; 01 Hội thảo giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực tại Đồng Nai

b) Kết quả dự kiến/ Sản phẩm

- 01 Báo cáo kết quả tổ chức Hội thảo khoa học lấy ý kiến cơ quan quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp về kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ;
- 01 Báo cáo kết quả tổ chức Hội thảo giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực tại Đồng Nai.

IV. Dự toán kinh phí:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nội dung 1: Tổ chức tập huấn hướng dẫn thu thập thông tin phục vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất				67,9	
	<i>Tập huấn hướng dẫn thu thập thông tin, số liệu phiếu khảo sát (03 ngày: 01 ngày lý thuyết, 02 ngày khảo sát thực tế; 03 người: 02 báo cáo viên + 01 quản lý; 20 học viên)</i>				67,9	
	<i>Chi cho giảng viên, trợ giảng</i>				41,9	
	Xe sân bay HN - Nội bài	Lượt	2	0,5	1,0	Chi thực tế
	Vé máy bay khứ hồi HN - TP.HCM	Vé	3	8	24,0	Chi thực tế
	Xe SB Tân Sơn Nhất - Đồng Nai	Lượt	2	0,5	1,0	Chi thực tế
	Công tác phí: - Số lượng 03 người (02 báo cáo viên + 01 quản lý); Thời lượng 4 ngày (bao gồm cả ngày di chuyển)	Ngày	12	0,3	3,6	Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 tỉnh

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	- Tổng số ngày hưởng phụ cấp: 4 ngày * 3 = 12					Đồng Nai
	Thuê phòng nghỉ : - Số lượng 3 người; Thời lượng 3 đêm - Tổng số ngày thuê phòng nghỉ: 3 đêm * 3 người = 9	Đêm	9	0,5	4,5	Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 tỉnh Đồng Nai
	Chi thù lao cho giảng viên (2 buổi * 3 ngày)	Buổi	6	1,3	7,8	Nghị quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 tỉnh Đồng Nai
	Chi tổ chức tập huấn				26,0	
	Chi phí tài liệu	người	20	0,05	1,0	Chi thực tế
	Văn phòng phẩm học viên	người	20	0,05	1,0	Chi thực tế
	Hội trường (01 ngày)	ngày	1	10	10,0	Chi thực tế
	Hoa trang trí	Gói	1	2	2,0	Chi thực tế
	Nước uống (20 người * 3 ngày * 2 buổi)	suất	120	0,05	6,0	- Nghị Quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 - Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
	Thuê phương tiện đưa đón học viên khảo sát, lấy phiếu đánh giá thực tế tại doanh nghiệp (02 ngày * 02 đoàn * 01 xe 16 chỗ)	Ngày	4	1,5	6,0	Chi thực tế
2	Nội dung 2: Điều tra, khảo sát thu thập thông tin, số liệu phiếu điều tra theo thông tư 17/2019/TT-BKHCN tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai				51,9	
	Chi phí hỗ trợ trực tiếp khảo sát, thu thập thông tin, phiếu điều tra (250 doanh nghiệp)				-	
	Lương hỗ trợ điều tra (250 phiếu : 2 phiếu/ngày = 125 công)	Công	125	0,215	26,9	Nghị quyết 02/2026/NQ-HĐND ngày 10/4/2026 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Mức lương tối thiểu vùng II, Nghị định 293/2025/NĐ-CP)
	Chi phí đi lại (Xăng xe)	Ngày	125	0,2	25,0	Chi thực tế
3	Nội dung 3: Phân tích đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh; phân tích đánh giá trình độ và				630,0	Thuê chuyên gia mức 2 (Nghị

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	năng lực công nghệ sản xuất; phân tích đánh giá khả năng ứng dụng và đổi mới công nghệ; phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ; phân tích đánh giá hoạt động nghiên cứu phát triển; phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao của các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn thành phố Đồng Nai					quyết 30/2023/NQ- HĐND ngày 8/12/2023 tỉnh Đồng Nai)
3.1	Phân tích, đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Công	44	1,36	60,0	
3.2	Phân tích, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực(Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Công	88	1,36	120,0	
3.3	Phân tích đánh giá hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Công	66	1,36	90,0	
3.4	Phân tích đánh giá khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Công	66	1,36	90,0	
3.5	Phân tích, đánh giá hoạt động đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su;	Công	66	1,36	90,0	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai					
3.6	Phân tích, đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực (Cơ khí chế tạo; chế biến thực phẩm; điện, điện tử; nhựa, cao su; hóa chất; dệt may, da giày) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Công	66	1,36	90,0	
3.7	Phân tích hoạt động đổi mới công nghệ chuyên sâu của nhóm doanh nghiệp điển hình, doanh nghiệp chứng nhận hoạt động công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Công	66	1,36	90,0	
4	Nội dung 4: Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai				353,0	
4.1	<i>Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	Công	55	1,36	75,0	Thuê chuyên gia mức 2 (Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 tỉnh Đồng Nai)
4.2	<i>Thí điểm xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 doanh nghiệp mẫu trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	Công	165	1,36	225,0	Thuê chuyên gia mức 2 (Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 tỉnh Đồng Nai)
4.3	<i>Chi phí tổ chức đoàn khảo sát chuyên sâu tại doanh nghiệp nhằm xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 doanh nghiệp mẫu (04 người * 4 ngày)</i>				53,0	
	Xe sân bay HN - Nội bài	Lượt	2	0,5	1,0	Chi thực tế
	Vé máy bay khứ hồi HN - TP.HCM	Vé	4	8	32,0	Chi thực tế
	Thuê xe SB Tân Sơn Nhất - Đồng Nai - Doanh nghiệp	Ngày	4	1,5	6,0	Chi thực tế
	Công tác phí: - Số lượng 04 người; Thời lượng 5 ngày (bao gồm cả ngày di chuyển) - Tổng số ngày hưởng phụ cấp: 5 ngày * 4 = 20	Ngày	20	0,3	6,0	Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 tỉnh Đồng Nai
	Thuê phòng nghỉ :	Đêm	16	0,5	8,0	Nghị quyết

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	- Số lượng 4 người; Thời lượng 4 đêm - Tổng số ngày thuê phòng nghỉ: 4 đêm * 4 = 16					40/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 tỉnh Đồng Nai
5	<i>Nội dung 5: Tổ chức Hội thảo khoa học tại Đồng Nai</i>				99,6	
	Tổ chức 02 hội thảo: 01 Hội thảo khoa học lấy ý kiến cơ quan quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp về kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; 01 Hội thảo giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực tại Đồng Nai; Số lượng: 50 người/HT; thời lượng: 01 buổi/HT; 03 người (02 báo cáo viên, 01 quản lý)				-	
	Xe sân bay HN - Nội bài (2 lượt * 2 HT)	Lượt	4	0,5	2,0	Chi thực tế
	Vé máy bay khứ hồi HN - TP.HCM (3 vé * 2 HT)	Vé	6	8	48,0	Chi thực tế
	Thuê xe SB Tân Sơn Nhất - Đồng Nai (2 lượt * 2 HT)	Lượt	4	0,5	2,0	Chi thực tế
	Công tác phí (02 ngày * 3 người * 2 HT)	Ngày	12	0,3	3,6	Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 tỉnh Đồng Nai
	Thuê phòng nghỉ (01 đêm * 3 người * 2 HT)	Đêm	6	0,5	3,0	Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 tỉnh Đồng Nai
	Thuê hội trường (01 buổi * 2 HT)	Buổi	2	5	10,0	Chi thực tế
	Hoa trang trí (01 gói * 2 HT)	Gói	2	2	4,0	Chi thực tế
	Nước uống (50 người * 01 buổi * 2 HT)	Suất	100	0,05	5,0	- Nghị Quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 - Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
	Chủ trì hội thảo (01 người * 01 buổi * 2 HT)	Người	2	2	4,0	Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 tỉnh

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
						Đồng Nai
	Thư ký hội thảo (01 người * 01 buổi * 2 HT)	Người	2	0,5	1,0	Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 tỉnh Đồng Nai
	Báo cáo trình bày tại hội thảo khoa học (2 báo cáo * 2 HT)	Người	4	3	12,0	Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 tỉnh Đồng Nai
	In tài liệu hội thảo (50 người * 01 Bộ * 2 HT)	Bộ	100	0,05	5,0	Chi thực tế
6	Chi khác (tu vấn thầu; in ấn, vpp, thông tin liên lạc, ...)	Gói	1	17,6	17,6	Chi thực tế
	Tổng:				1.220,0	